

Tiểu sử HT Thích Trí Thủ – Đệ nhất Chủ tịch HĐTS GHPGVN

Thân phụ là cụ Nguyễn Hưng Nghĩa, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Chiêu, cả hai cụ thân sinh đều thuộc gia đình nhiều đời tin Phật.

Hòa thượng là con trưởng trong gia đình có 3 anh em, 2 trai và 1 gái. Năm lên 7, Hòa thượng bắt đầu học chữ Hán, năm lên 9 tuổi Hòa thượng được vào học trường làng.

Vốn có sẵn hạt giống Bồ Đề, túc duyên Phật Pháp, năm 14 tuổi, Hòa thượng đã vào học kinh ở chùa Hải Đức – Huế. Năm lên 17, Hòa thượng thực thụ xuất gia, đầu sư với Hòa thượng Thích Viên Thành tại chùa Tra Am – Huế, được ban pháp danh Tâm Như, pháp tự Đạo Giám và trực tiếp thụ học với Bốn sư.

Năm 20 tuổi, Hòa thượng được Bốn sư cho vào giới đàn chùa Từ Vân ở Đà Nẵng thụ giới cụ túc. Tại giới đàn này, Hòa thượng đã trúng tuyển thủ Sa di trong số 300 giới tử.

Qua hai năm cư tang Bốn sư tại chùa Tra Am, năm 23 tuổi Hòa thượng đã cùng các pháp lữ vào chùa Thập Tháp, Bình Định tham học với Hòa thượng Phước Huệ.

Sau khi học xong chương trình Trung học Phật học, Hòa thượng làm giáo thụ dạy Trường Phật học Phổ Thiên – Đà Nẵng. Vì chưa thỏa lòng cầu pháp, sau Hòa thượng lại trở ra Huế, cùng các Pháp hữu đã đồng học ở Thập Tháp ngày trước, tổ chức Trường Phật học tại chùa Tây Thiên, rồi cung thỉnh Tăng cang Giác Nhiên chùa Thuyền Tôn làm Giám đốc, Hòa thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp làm Đốc giáo dạy nội điển, đồng thời mời các cư sĩ như Bác sĩ Lê Đình Thám dạy Luận học, các cụ Nguyễn Khoa Toàn, Cao Xuân Huy... dạy các môn về văn hóa theo trình độ Đại học Phật giáo cũng như văn hóa. Trong thời gian này, Hòa thượng làm giảng sư Hội Phật học Huế, dạy lớp Trung Đẳng Phật học tại Chùa Tây Thiên và Trường Tiểu học Phật học tại chùa Báo Quốc.

Năm 39 tuổi (1938), sau khi tốt nghiệp Trường Phật học Tây Thiên, Hòa thượng về trú trì Tổ đình Ba-la-mật, nhưng vẫn tiếp tục công việc giảng dạy cho Hội Phật học và các Trường Phật học. Năm 1939 Ni trường được thành lập tại chùa Từ Đàm, Hội đã giao cho Hòa thượng chịu trách nhiệm quản lý và đào tạo. Đây là cơ sở, Ni bộ đầu tiên được thành hình. Năm 1940, Hòa thượng trùng tu Tổ đình Ba-la-mật. Năm 1941, Hòa thượng

cũng chủ trương cho học tăng học văn hóa. Chính Hòa thượng đích thân dẫn tăng sinh đầu tiên đi dự thi Tiểu học. Việc tăng sinh học văn hóa và thi lấy bằng cấp ngoài đời đã gây chấn động không ít trong số người chủ trương đào tạo tăng sinh theo nề nếp cũ.

Năm 1945, Cách mạng tháng tám bùng nổ, trên cương vị Trị sự Sơn môn Thừa Thiên, Hòa thượng đã cùng các vị khác lập Hội Phật giáo cứu quốc Trung bộ, chủ trương tờ nguyệt san Giải thoát, làm cơ quan tuyên truyền của hội Phật giáo cứu quốc. Trung Bộ. Hòa thượng đắc cử Hội đồng nhân dân Thừa Thiên và được chính quyền Cách Mạng mời đến Trung bộ phủ giao quyền sắp đặt lại chùa chiền, hủy bỏ chế độ chùa vua do phong kiến đặt. Năm 1948, để sự nghiệp đào tạo tăng tài có điều kiện phát triển, đẩy mạnh phong trào chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng hội ý với chư tôn Hòa thượng trong Giáo hội Tăng già Thừa Thiên, dời Trường Sơn môn Phật học từ chùa Linh Quang sang chùa Báo Quốc – lấy tên là Phật học Đường – sau đổi thành Phật Học Viện Báo Quốc, Hòa thượng được đề cử làm Giám đốc. Từ đó về sau, trong các thập niên 50, 60, 70 Phật học viện Báo Quốc từng là nơi phát xuất nhiều Tăng sĩ lỗi lạc, đảm đương nhiều trọng trách trong phong trào chấn hưng Phật Giáo, cũng như trong năm này Hòa thượng mở Đại giới đàn tại chùa Báo Quốc và làm chủ đàn. Tại giới đàn này, Hòa thượng đã phục hồi ý nghĩa của thất chứng, phân chia riêng Tăng Ni hai bộ, Tăng độ cho tăng, Ni độ cho ni.

Năm 1951, trong chức vụ Hội trưởng hội Việt Nam Phật học Trung phần, trong hệ thống Tổng hội Phật giáo Việt Nam của 6 tập đoàn Phật giáo Bắc, Trung, Nam, đứng đầu là đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ, Hòa thượng đặt viên đá đầu tiên xây dựng trường Tiểu học tư thực Bồ Đề tại Thành Nội Huế, mở đầu mạng lưới giáo dục Tư thực Bồ Đề của Phật giáo.

Năm 1952, Hòa thượng tạm nghỉ việc Hội, chuyên tâm vào việc giáo dục học tăng ở Phật học đường Báo Quốc. Cuối năm 1956, Phật học viện Trung phần thành lập tại Nha Trang, Hòa thượng được cung thỉnh làm Giám viện. Năm 1957, thấy đa số Tăng Ni các Phật học viện đã đến tuổi thụ giới, Hòa thượng cho mở giới đàn và làm chủ đàn.

Để ổn định kinh tế tự túc cho Phật học viện, Hòa thượng đã cho một số học tăng vào Sài Gòn học riêng các môn khoa học chế biến, sau đó mở hãng sản xuất nước tương, hương đèn, giấm ăn, xà phòng... tất cả đều do sức lao động của học tăng và Phật tử đảm đương. Hầu hết học tăng Phật học viện đều được Hòa thượng cho học song song hai chương trình. Nhờ hướng đào tạo đó mà nơi đây đã là nguồn cung cấp liên tục các

Chánh đại diện Giáo hội các tỉnh, quận, giảng sư, trú trì, hiệu trưởng, giám học các trường Bồ Đề, quản lý nhà in, nhà phát hành kinh sách khắp miền Trung và về sau một số đã trở thành giảng sư, giáo sư đại học, nói chung là các ngành văn hóa giáo dục phục vụ đạo đời.

Năm 1960, Hòa thượng tạo mãi khu vườn ở Gò Vấp khai sơn Tu viện Quảng Hương Già Lam. Năm 1962, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật Giáo Việt Nam tại miền Nam tham dự Đại lễ thế giới kỷ niệm 2500 năm Đức Phật nhập Niết Bàn, tại Lào.

Phật đàn năm 1963 bắt đầu thời Pháp nạn. Bấy giờ Hòa thượng về Huế, rồi ở đó cùng các vị lãnh đạo Phật Giáo, hướng dẫn phong trào đấu tranh bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc cho đến khi bị chính quyền Diệm bắt giam giữ tại Huế rồi đưa vào Sài Gòn. Qua cơn pháp nạn, Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất ra đời, thành lập với 11 đoàn thể các hệ phái Phật giáo toàn miền Nam, Hòa thượng được bầu vào ban dự thảo Hiến chương Giáo hội, và trong nhiệm kỳ đầu Hòa thượng giữ nhiệm vụ Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp. Công việc hoằng pháp và giáo dục Tăng Ni là mối quan tâm hàng đầu và quan tâm suốt đời của Hòa thượng. Trong nhiệm vụ và vai trò đó, Hòa thượng đã mở 3 Đại hội Hoằng pháp, một tổ chức tại Phật học viện Nha Trang, một tổ chức tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn và một tại chùa Ấn Quang – Chợ Lớn. Mọi hoạt động và thành tích hoằng pháp của Hòa thượng được tổng kết ghi lại trong ba tập kỷ yếu Đại hội. Hòa thượng còn thành lập giảng sư đoàn và cắt cử mỗi vị phụ trách một tỉnh để diễn giảng Phật pháp cho tín đồ. Trong thời gian này Hòa thượng cũng đã thành lập Phật học viện Phổ Đà – Đà Nẵng.

Năm 1964, Hòa thượng làm Viện trưởng Viện Cao Đẳng Phật học, thành lập tại chùa Pháp Hội – Sài Gòn. Đây chính là tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh. Hòa thượng còn chủ trương các tập san như Tin Phật, Bát Nhã để gióng lên cho đời tiếng nói của pháp âm. Năm 1965, sau khi ổn định mọi Phật sự, Hòa thượng hành hương chiêm bái các danh lam Phật tích ở Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, giao thiệp với nhiều danh Tăng các nước.

Sau thời kỳ làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp, Hòa thượng lại được Giáo hội trao giữ nhiệm vụ Tổng vụ trưởng Tổng vụ tài chánh. Năm 1968, Hòa thượng được Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất, chính thức tấn phong lên ngôi vị Hòa thượng. Cũng năm này, Hòa thượng khai giới đàn tại Phật học viện Nha Trang. Năm 1969, đại trùng tu

Tổ đình Báo Quốc. Năm 1970, mở lớp trung đẳng II Chuyên khoa tại Phật học viện Trung phần – Nha Trang. Năm 1974, thành lập Viện Cao Đẳng Phật học – Nha Trang.

Từ Đại hội Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất kỳ 5 và kỳ 6, Hòa thượng giữ chức vụ Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đến năm 1975 đảm nhiệm thêm công việc phụ tá Đức Tăng Thống cho đến khi đất nước và đạo pháp chuyển sang giai đoạn lịch sử mới. Đến năm 1976, Hòa thượng lại tổ chức đại giới đàn Quảng Đức tại tổ đình Ấn Quang, Chợ Lớn.

Trước chiều hướng mới và cũng thể theo ý hướng thống nhất mà xưa nay Phật Giáo Việt Nam vẫn thường ấp ủ, nên sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong cương vị Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất, Hòa thượng đã liên hệ với các vị tôn túc lãnh đạo các hệ phái và các tổ chức Phật giáo khác trong cả nước để bàn bạc việc thống nhất Phật Giáo Việt Nam. Đây chính là nguyện vọng chung của toàn thể Tăng Ni và Phật tử. Nguyện vọng này đã thể hiện cụ thể tại Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất kỳ 7, họp tại chùa Ấn Quang, Chợ Lớn, ngày 23.01.1977 gồm 165 đại biểu của 54 đơn vị trong Giáo Hội, mà Hoà thượng nhân danh viện trưởng tân nhiệm đã ký thông bạch gồm 7 điểm, trong đó có điểm thứ 6 nguyên văn như sau: “Đại hội cần ủy Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần Đạo pháp và truyền thống dân tộc”.

Sau khi Ban vận động thống nhất Phật giáo thành hình, Hòa thượng được bầu làm Trưởng ban vận động, và khi Hội nghị đại biểu thống nhất Phật Giáo Việt Nam tổ chức tại thủ đô Hà Nội ngày 07.11.1981, Hòa thượng đắc cử Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật Giáo Việt Nam nhiệm kỳ đầu tiên.

Những năm cuối của báo thân, Hòa thượng tuy tuổi già sức yếu, vẫn không xao lãng việc đạo việc đời. Năm 1979 và 1982 dẫn đầu đoàn đại biểu Phật Giáo Việt Nam dự Đại hội thứ 5 và thứ 6 của tổ chức Phật Giáo Châu Á vì hòa bình, tại Mông Cổ. Năm 1980, làm trưởng đoàn đại biểu tôn giáo Việt Nam dự hội nghị các nhà hoạt động tôn giáo thế giới vì hòa bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân, tổ chức tại Liên Xô, cũng năm này kiến tạo thêm Chính điện Tu Viện Quảng Hương Già Lam. Năm 1983, dự hội nghị các vị đứng đầu Phật giáo 5 nước Châu Á, tổ chức tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 1983, đắc cử Ủy viên đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng năm này xây dựng lại ngôi Tổ đình Linh Quang (Quảng Trị).

Dù bận rộn Phật sự, suốt con đường hành đạo, Hòa thượng vẫn dành thời giờ dịch kinh, biên soạn sách để hoằng dương Phật pháp. Các tác phẩm chính gồm kinh Phổ Môn, kinh Phổ Hiền, Mẹ hiền Quán Âm, kinh Vô Thường, kinh A Di Đà, Pháp môn tịnh độ, kinh Bát Nhã, Luật Tỳ Kheo, Luật Bồ Tát, Luật Tứ Phần, nghi thức truyền giới Bồ Tát tại gia và thập thiện, nghi thức Phật đàn, nghi thức lễ sám buổi khuya và các tác phẩm khác đã in hoặc chưa xuất bản.

Thế rồi sau một cơn suy tim nhẹ, Hòa thượng đã xả báo an tường, thu thần nhập diệt vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 2 tháng 4 năm 1984 (tức ngày 02 tháng 3 năm Giáp Tý) tại Tu viện Quảng Hương Già Lam, trụ thế 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo. Kim Quan Hoà thượng nhập bảo tháp tại đây.

Thế là, Hòa thượng hóa duyên đã mãn, Ngài đã trở về thế giới Niết bàn, vô tung bất diệt nhưng công đức và đạo nghiệp của Hòa Thượng vẫn còn sống mãi trong tâm hồn người con Phật và trang sử rạng ngời của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

--

Nguồn: Phattuivietnam.net